TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ** **TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **115**/2021/HNGĐ-ST
Ngày 17-9-2017
*"*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con*"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ HƯƠNG TRÀ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hồ Vinh Phú

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Xuân An và bà Phạm Thị Ngọc Huế.

- Thư ký phiên toà: Ông Lê Đình Tứ - Thư ký Toà án nhân dân thị xã Hương Thuỷ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Diệu Hảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 9 năm 2021, tại hội trường Toà án nhân dân thị xã Hương Trà xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2021/TLST-HNGĐ ngày 07/4/2021 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 42/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 01/9/2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Tr, sinh năm 1979; địa chỉ: Tổ dân phố Lại B 2, phường Hương V, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu Q, sinh năm 1976; địa chỉ: Tổ dân phố Lại B 2, phường Hương V, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Võ Thị Tr trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Tr và ông Nguyễn Hữu Q sau thời gian tìm hiểu nhau đã được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán. Vợ chồng bà Tr, ông Q đã sống tại nhà của cha, mẹ ông Q tại địa chỉ: Tổ dân phố Lại B 2, phường Hương V, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế. Sau khi được nhà nước phổ biến về pháp luật hôn nhân, bà Tr và ông Q đã tự nguyện cùng nhau đi đăng ký kết hôn vào ngày 19 tháng 6 năm 2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Vân (nay là phường Hương V) thị xã Hương Trà. Vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì hai bên bắt đầu phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân chính là do ông Q không quan tâm đến gia đình, khiến cho mâu thuẫn vợ chồng xảy ra, thường xuyên cãi vã và xích mích nhau. Trong lúc cãi vã ông Q đã có những lời lẽ xúc phạm bà. Bản thân bà Tr đã nhiều lần cho ông Q cơ hội nhưng ông Q không chịu thay đổi. Nay thấy mâu thuẫn đã kéo dài, không ai còn quan tâm gì đến nhau, tình cảm hai bên đã không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được, bà Tr đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Q.

Về con chung: Bà Tr và ông Q có bốn con chung là Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 24/02/1999, Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 05/3/2002, Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/9/2013 và Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 22/9/2015. Theo đơn khởi kiện cũng như tại phiên tòa thì bà Tr có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Anh T và cháu Quỳnh N và yêu cầu ông Q cấp dưỡng nuôi cháu Anh T số tiền 1.000.0000đ/tháng và cháu Quỳnh N số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi. Đối với các con đã đủ 18 tuổi bà Tr không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay bà Tr đang đang làm lao động tự do thu nhập mỗi tháng khoảng 2.000.000đ đến 3.000.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn là ông Nguyễn Hữu Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thời điểm chung sống cũng như đăng ký kết hôn của vợ chồng ông đúng như bà Tr đã trình bày. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc có bốn người con chung. Tuy nhiên đến đầu khoảng tháng 3 năm 2020 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bản thân ông Q không quan tâm đến gia đình cũng như đến các con. Do đó vợ chồng bắt đầu thường xuyên cãi vã nhau, trong lúc nóng giận ông Q có những lời lẽ xúc phạm đến bà Tr cũng như đến gia đình. Gia đình có nhiều mâu thuẫn cũng như không hạnh phúc nguyên nhân là do ông Q, tuy nhiên do còn tình cảm với bà Tr cũng như mong muốn các con lớn lên có đầy đủ cả cha lẫn mẹ nên ông Q mong muốn được đoàn tụ vợ chồng để cùng nuôi các con. Nay bà Tr có đơn yêu cầu ly hôn, ông Q không đồng ý vì thấy vẫn còn tình cảm với bà Tr cũng như muốn vợ chồng đoàn tụ, cùng nhau nuôi dưỡng con.

Về con chung: Vợ chồng có bốn người con chung đúng như bà Tr đã trình bày. Tại bản tự khai ông Q trình bày nếu trường hợp phải ly hôn ông Q yêu cầu Tòa án giải quyết được trực tiếp nuôi cháu Anh T cho đến khi đủ 18 tuổi; giao

cháu Quỳnh N cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi; không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với hai cháu Quyền và cháu Linh đã đủ 18 tuổi và đã đi làm nên không yêu cầu giải quyết. Tuy nhiên, tại phiên tòa, ông đồng ý giao cháu Anh T và cháu Quỳnh N cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng và ông tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Anh T số tiền 1.000.0000đ/tháng và cháu Quỳnh N số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Hiện nay bản thân ông Q đang làm công nhân tại công ty Xi măng Kim Đỉnh thu nhập mỗi tháng khoảng 3.500.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q trình bày không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Hương Trà tại phiên tòa:*

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Đối với những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị giải quyết vụ án theo hướng chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tr được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Q; về con chung: Chấp nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bên. Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 22/9/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N sinh ngày 22/9/2013 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q cấp dưỡng nuôi cháu Anh T số tiền 1.000.0000đ/tháng và cháu Quỳnh N số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q và bà Tr không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Tr phải chịu án phí ly hôn, ông Q phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Võ Thị Tr (là nguyên đơn) có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Nguyễn Hữu Q (là bị đơn) có địa chỉ tại: Tổ dân phố Lại B 2, phường Hương V, thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế; nên Tòa án xác định

đây là vụ án hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Hương Trà theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Q đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán và chung sống như vợ chồng, sau đó tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 19/6/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Hương Vân (nay là phường Hương V) thị xã Hương Trà, tỉnh Thừa Thiên Huế nên đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Võ Thị Tr vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Hữu Q; ông Q không đồng ý ly hôn vì ông Q cho rằng vẫn còn tình cảm, cũng như muốn bà Tr trở về để chăm sóc nuôi con. Hội đồng xét xử thấy rằng: Hôn nhân giữa bà Tr và ông Q đã xảy ra mâu thuẫn một thời gian dài khiến cho vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc; bản thân ông Q cũng xác nhận nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do ông gây ra. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các buổi hòa giải, tạo điều kiện cho bà Tr, ông Q giải quyết mâu thuẫn để trở về đoàn tụ, nhưng các bên không hòa giải được; ông Q cũng không có biện pháp gì hiệu quả để hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Theo kết quả xác minh tại địa phương thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng bà Tr và ông Q không hòa hợp, hai bên không tin tưởng nhau khiến cho vợ chồng thường xuyên cãi vã.

Hội đồng xét xử thấy vợ chồng bà Tr và ông Q có nhiều mâu thuẫn về tình cảm, kinh tế; mẫu thuẫn vợ chồng nay đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr đối với ông Q.

[3] Về con chung: Bà Võ Thị Tr và ông Nguyễn Hữu Q có bốn người con chung là: Nguyễn Hữu Q, sinh ngày 24/02/1999, Nguyễn Thị Ngọc L, sinh ngày 05/3/2002, Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/9/2013 và Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 22/9/2015. Hiện các con đang ở chung với bà Tr và ông Q.

Tại phiên tòa hôm nay bà Tr và ông Q đã thống nhất được việc nuôi con và cấp dưỡng là: Giao cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 22/9/2015 và cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/9/2013 cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Q cấp dưỡng nuôi cháu Anh T số tiền 1.000.0000đ/tháng và cháu Quỳnh N số tiền 1.000.000đ/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

Việc ông Q và bà Tr thỏa thuận nuôi con và cấp dưỡng như trên là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của con cũng như điều kiện nuôi con

của các bên nên cần chấp nhận. Đối với hai cháu Nguyễn Thị Ngọc L và Nguyễn Hữu Q đã đủ 18 tuổi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Tr và ông Q không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

[5] Về án phí: Bà Tr phải chịu án phí ly hôn, ông Q phải chịu án phí cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Áp dụng Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Tr được ly hôn ông Nguyễn Hữu Q.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Quỳnh N, sinh ngày 22/9/2013 và cháu Nguyễn Ngọc Anh T, sinh ngày 22/9/2015 cho bà Võ Thị Tr trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi.

Ông Nguyễn Hữu Q phải cấp dưỡng nuôi cháu Anh T số tiền 1.000.0000đ/tháng và cháu Quỳnh N số tiền 1.000.000đ/tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi các cháu lần lượt đủ 18 tuổi.

Hiện nay cháu Quỳnh N và Anh Thư đang được ông Q và bà Tr trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ và con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định của pháp luật. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ khi có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án không chịu thi hành các khoản tiền nói trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 6a, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có ai yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Võ Thị Tr phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số AA/2016/0000**826** ngày 07/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hương Trà. Bà Võ Thị Tr đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Nguyễn Hữu Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng cho con.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh TT Huế;
- VKSND TX. Hương Trà;
- THADS TX. Hương Trà;
- UBND p.Hương Vân, TX. Hương Trà;
(Đăng ký số: 26 ngày 19/6/2003)
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hồ Vinh Phú